BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNKT Đ-ĐT) - MH1102053

Mã lớp học phần: MH110205301 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Nhơn Hải

Ngày thi: 25/07/2024 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 4**

Giám thị 1: Trần Thị Tuyến Ký tên:

Giám thị 2: Phan Thành Tưởng Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên:

Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310030027	Đặng Minh	Chiến	21/09/2005			5	Năm, Không	C25DDT	
2	2310030007	Trần Thành	Chương	16/02/2005			3.8	Ba, tám	C25DDT	
3	2310030019	Đoàn Tấn	Dũng	31/08/2005			4.4	Bốn, bốn	C25DDT	
4	2310030024	Đỗ Thành	Đạt	11/02/2005			4.8	Bốn, tám	C25DDT	
5	2310030012	Trương Văn	Đăng	20/08/2004			2.8	Hai, tám	C25DDT	
6	2310030013	Lê Hoàng	Đỉnh	10/04/2005			5.8	Năm, tám	C25DDT	
7	2310030011	Nguyễn Trường	Giang	23/11/2005			5.6	Năm, sáu	C25DDT	
8	2310030008	Phan Trung	Hậu	12/01/2005			7.0	Bảy, Không	C25DDT	
9	2310030022	Võ Văn	Hiệp	31/03/2005			5.4	Năm, bốn	C25DDT	
10	2310040013	Trần Hoàng	Huy	20/04/2005			3.8	Ba, tám	C25DDT	
11	2310030025	Nguyễn Văn	Kha	05/04/2005			3.4	Ba, bốn	C25DDT	
12	2310030026	Ngô Hoàng	Khang	26/01/2005			3.4	Ba, bốn	C25DDT	
13	2310030009	Nguyễn Đăng Tuấn	Kiệt	09/05/2005			8.2	Tám, hai	C25DDT	
14	2310030029	Nguyễn Hữu	Lực	02/07/2004			7.0	Bảy, Không	C25DDT	
15	2310030001	Ong Lê Quang	Mỹ	13/05/2002			8.6	Tám, sáu	C25DDT	
16	2310030006	Đỗ Nhật	Nguyên	29/04/2004			3.2	Ba, hai	C25DDT	
17	2310030014	Lê Trung	Nhân	26/10/2005			9.0	Chín, Không	C25DDT	
18	2310030005	Nguyễn Tấn	Phong	01/01/2005			4.6	Bốn, sáu	C25DDT	
19	2310030018	Nguyễn Hiếu	Thuận	15/01/2005			3.2	Ba, hai	C25DDT	
20	2310030017	Trà An	Thuận	21/12/2005			3.2	Ba, hai	C25DDT	
21	2310030021	Lê Huy	Tuấn	29/12/2005			8.6	Tám, sáu	C25DDT	
22	2310030002	Nguyễn Khánh	Văn	12/12/2005			4.4	Bốn, bốn	C25DDT	
23	2310030028	Trương Thành	Vinh	23/07/2005			5.2	Năm, hai	C25DDT	
24	2310030016	Nguyễn Anh	Vũ	20/06/2005			3.8	Ba, tám	C25DDT	
25	2310030004	Phạm Thanh	Vũ	19/04/2005			3.6	Ba, Sáu	C25DDT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 25 / _____ .

Số sinh viên đạt: 15 / 25 **Tỷ lệ đạt:** 60 **%**

Ngày 25 tháng 7 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 25 tháng 7 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Nhơn Hải

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2023-2024

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành (CNKT Đ-ĐT)
Mã bài thi: B1OK8Q
Thời gian thi: 25/07/2024 13:30:00
Thời gian kết thúc: 25/07/2024 14:30:00

Giám thị 1: Trần Thị Mỹ Ký tên:
Giám thị 2: Phan Thanh Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên:
Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310030027	Đặng Minh Chiến	21/09/2005		5	Năm	C25DDT	
2	2310030007	Trần Thành Chương	16/02/2005		3.8	Ba, tám	C25DDT	
3	2310030012	Trương Văn Đăng	20/08/2004		2.8	Hai, tám	C25DDT	
4	2310030024	Đỗ Thành Đạt	11/02/2005		4.8	Bốn, tám	C25DDT	
5	2310030013	Lê Hoàng Đỉnh	10/04/2005		5.8	Năm, tám	C25DDT	
6	2310030019	Đoàn Tấn Dũng	31/08/2005		4.4	Bốn, bốn	C25DDT	
7	2310030011	Nguyễn Trường Giang	23/11/2005		5.6	Năm, sáu	C25DDT	
8	2310030008	Phan Trung Hậu	12/01/2005		7	Bảy	C25DDT	
9	2310030022	Võ Văn Hiệp	31/03/2005		5.4	Năm, bốn	C25DDT	
10	2310040013	Trần Hoàng Huy	20/04/2005		3.8	Ba, tám	C25DDT	
11	2310030025	Nguyễn Văn Kha	05/04/2005		3.4	Ba, bốn	C25DDT	
12	2310030026	Ngô Hoàng Khang	26/01/2005		3.4	Ba, bốn	C25DDT	
13	2310030009	Nguyễn Đăng Tuấn Kiệt	09/05/2005		8.2	Tám, hai	C25DDT	
14	2310030029	Nguyễn Hữu Lực	02/07/2004		7	Bảy	C25DDT	
15	2310030001	Ong Lê Quang Mỹ	13/05/2002		8.6	Tám, sáu	C25DDT	
16	2310030006	Đỗ Nhật Nguyên	29/04/2004		3.2	Ba, hai	C25DDT	
17	2310030014	Lê Trung Nhân	26/10/2005		9	Chín	C25DDT	
18	2310030005	Nguyễn Tấn Phong	01/01/2005		4.6	Bốn, sáu	C25DDT	
19	2310030017	Trà An Thuận	21/12/2005		3.2	Ba, hai	C25DDT	
20	2310030018	Nguyễn Hiếu Thuận	15/01/2005		3.2	Ba, hai	C25DDT	
21	2310030021	Lê Huy Tuấn	29/12/2005		8.6	Tám, sáu	C25DDT	
22	2310030002	Nguyễn Khánh Văn	12/12/2005		4.4	Bốn, bốn	C25DDT	
23	2310030028	Trương Thành Vinh	23/07/2005		5.2	Năm, hai	C25DDT	
24	2310030004	Phạm Thanh Vũ	19/04/2005		3.8	Ba, tám	C25DDT	
25	2310030016	Nguyễn Anh Vũ	20/06/2005		3.6	Ba, sáu	C25DDT	

Lưu ý:
- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 25 **Số sinh viên đạt: 15**

Ngày 25 tháng 7 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 25 tháng 7 năm 2024
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Nhân Hải